

Tìm hiểu cuộc chiến tranh Mậu Ngọ (1858 -1860) qua ghi chép của người Pháp

Lưu Anh Rô

ĐÃ 160 NĂM TRÔI QUA, CÓ RẤT NHIỀU TÀI LIỆU TỪ CẢ HAI PHÍA GHI CHÉP, NGHIÊN CỨU VỀ TRẬN CHIẾN TRANH CHỐNG LIÊN QUÂN PHÁP – TÂY BAN NHA TẠI ĐÀ NẴNG ĐƯỢC CÔNG BỐ, LUẬN GIẢI. TUY NHIÊN, SẼ LÀ THIẾU SÓT NẾU CHÚNG TA KHÔNG CHÚ TRỌNG ĐÚNG MỨC ĐẾN CÁC GHI CHÉP CỦA CÁC SĨ QUAN, BINH LÍNH PHÁP TỪNG THAM CHIẾN TRONG CUỘC CHIẾN TRANH MẬU NGỌ (1858 – 1860) TỪNG GHI LẠI. BÀI VIẾT NÀY, THÔNG QUA CÁC TÀI LIỆU VỪA ĐƯỢC KHAI THÁC TỪ PHÁP, ĐỐI CHIẾU VỚI MỘT SỐ TÀI LIỆU KHÁC, CHÚNG TÔI XIN TÌM HIỂU XUNG QUANH CÁC VẤN ĐỀ: SỐ LƯỢNG TÀU CHIẾN VÀ BINH LÍNH PHÁP – TÂY BAN NHA, SỰ BẤT CỘNG TÁC VỚI GIẶC CỦA NGƯỜI DÂN ĐÀ NẴNG, CÁC PHƯƠNG THỨC DU KÍCH CHIẾN TRANH NAM QUẢN; NHẤT LÀ CHỦ TRƯỞNG “XÂY HÀO, ĐẬP LỬY” ĐỂ “TIẾN BỨC ĐỊCH” CỦA DANH TƯỚNG NGUYỄN TRI PHƯƠNG...

Ngày 31-8-1858, lực lượng viễn chinh Pháp - Tây có đến 2500 quân (trong đó có 850 quân của Tây Ban Nha do đại tá Lanzarotte chỉ huy) đi trên 14 chiếc tàu chiến thả neo tại cảng Đà Nẵng¹. Tài liệu của viên sĩ quan trực tiếp chỉ huy trận đánh này cho biết: “Tàu chiến Phlegéton và Primauguet, chiến hạm Némésis, pháo thuyền Avalanche và Dragonne, thuyền chở hàng Gironde, Saône, Meurthe có nhiệm vụ bắn đạn vào 7 đồn lũy ở cửa vịnh Đà Nẵng. Các pháo thuyền

Fusée, Alarme, Mitraille, tàu hơi nước El Cano, phải tiến vào trong vịnh càng sâu càng tốt và tấn công hai đồn lớn ở khu vực này”...⁽²⁾. Về số quân, riêng chiến hạm Némésis thì: “Nhân sự trên chiến hạm Némésis dao động từ 1.100 đến 1.200 người, khẩu phần ăn hàng ngày từ 6 đến 7.000 phần; quả thật, ngoài 10 tàu phụ, mà trong đó có 4 tàu hơi nước, thì vai trò của tàu Némésis còn chưa được một đội kỵ binh và một đội pháo binh; những người chèo thuyền, người Ấn Độ, có nhiệm vụ cho gia súc ăn cỏ; các y

tá đến từ Manille túc trực khắp nơi trong các trạm cứu thương; người coi ngựa là dân bản xứ (Philippines), có nhiệm vụ chăm sóc ngựa của đội kỵ binh và pháo binh và của nguyên soái. Chiến hạm Némésis cũng nuôi ăn toàn bộ nhân viên biệt phái trên tàu mình, 3 trung đoàn bộ binh hải quân, công binh, pháo binh, công nhân người Hoa, thợ đóng khung, thợ nề, đầu bếp...⁽³⁾. Điều đáng chú ý, là trong hàng ngũ quân địch lúc bấy giờ có đến “2 đại đội lính bản xứ”, gồm những người Việt gian, một bộ phận giáo dân bị lôi kéo và bọn thổ phỉ tham gia: “Khi quân Pháp xâm lược Đà Nẵng ngày 1-9-1858, rất nhiều giáo dân ở Bắc kỳ đã kéo nhau vào Đà Nẵng xin Pháp che chở. Rigault de Genouilly chỉ huy tấn công Đà Nẵng lúc ấy đã tiếp nhận họ và thành lập thành 2 đội ngũ quân ở bán đảo Sơn Trà. (Sau này) một trong 2 đội quân trên đã cùng liên quân Pháp - Tây Ban Nha ở lại chiến đấu, đội khác thì theo Rigault vào đánh chiếm Sài Gòn”⁽⁴⁾. Trên soái hạm Némésis đang chờ Bộ chỉ huy hành quân của Rigault lúc này còn có cả giáo sĩ Pellerin đang đóng vai trò cố vấn chính trị và quân sự. Một hồi ký của sĩ quan Pháp cho biết: “Chúng ta đã nghĩ rằng, tốt nhất nên hành

động bất ngờ, đánh chiếm kinh đô Huế và áp đặt các điều kiện của mình. Con số 2.600 quân là cần và đủ cho cuộc đảo chính này. Tây Ban Nha, cũng giống chúng ta, rất quan tâm đến việc trả nợ máu cho con dân của mình, đã đồng ý cung cấp một nửa số quân trong số quân đội người bản xứ ở Manille (Philippin), hơn nửa chấp thuận trả một khoản trợ cấp là 100.000đ/năm, như tiền bù trừ một phần chi phí trang bị cho hải quân khi cần thiết⁶. Vì vậy, trong đoàn quân viễn chinh đến Đà Nẵng còn có “một tàu của Tây Ban Nha là “Elcano”, với 500 binh lính trên tàu này, đến từ Manille (thuộc phiên chế của Tây Ban Nha) và chiến đấu bên cạnh chúng tôi⁶”.

Sáng ngày 1-9-1858, Rigault de Genouilly gửi tối hậu thư cho viên trấn thủ Đà Nẵng, hẹn trong 2 giờ phải nộp ngay các pháo đài cho Pháp. “Vào lúc 7h45’ sáng, một sĩ quan tham mưu gửi một bức thư đến “Đồn nước ngọt” (Điện Hải - Tg), yêu cầu tổng chỉ huy Nam quân ở đây, phải giao tất cả các đồn trong vòng 2 giờ. Đến 9h45’, không thấy họ trả lời, nên Đô đốc Rigault ra lệnh phát động tấn công⁷”.

Ngay khi tấn công, các tàu chiến của Pháp chia làm 2 cánh đồng loạt bắn phá các đồn, bảo, thành lũy của Việt Nam. Cờ Pháp, rồi cờ Tây Ban Nha được lần lượt kéo lên trên đỉnh cột buồm lớn nhất của soái hạm Némésis, đó là hiệu lệnh cho tất cả các tàu đồng loạt nổ súng. Các thành Điện Hải, An Hải nhanh chóng trở thành mục tiêu bắn phá của đại bác địch từ các chiến hạm vào. Sau nửa tiếng đồng hồ nã pháo dữ dội và hoàn toàn trúng đích, tất cả các pháo đài của Việt Nam tại Đà Nẵng bị tắt ngấm. Mô tả trận mở màn này, một nhân chứng cho biết: “Dạn cối và đại bác của chúng tôi đã làm cho cỏ cây, đá sỏi bay mù mịt lên không trung, làm lóa mắt những người An Nam khốn khổ và cản không cho họ



Lính Pháp bị giết và bắt sống mang đi diễu hành tại Đà Nẵng. Tranh ký họa

sử dụng các phương tiện của mình. Vào lúc 11h, quân đội và các tốp lính cùng lúc đổ bộ vào đất liền và đến giữa trưa, cờ Pháp đã thay thế cờ của người An Nam⁸. Quân đổ bộ của các tàu Némésis, Phlégeon và Primauguet và một nửa số quân của đội công binh Pháp dưới sự chỉ huy của Đại tá Reybaud lập tức nhảy lên bờ đánh chiếm các pháo đài Việt Nam, họ vừa đánh vừa hô lên: “Hoàng đế vạn tuế” (tức Pháp hoàng). Rigault cũng theo cánh quân này, ông ta lập tức bố trí trận chiến, đánh thẳng vào chính diện thành Điện Hải, An Hải và các đồn phụ cận. Ghi nhận sự kiện này, một sĩ quan cho biết: “Người An Nam đánh trả lại; rất nhiều đạn của họ, đã bắn trúng vỏ tàu chúng tôi; song chỉ sau nửa giờ bắn phá, các đồn đã bị dập tắt. 450 quân đổ bộ đã xung phong lên chiếm lấy đồn và đánh tan những người An Nam

tự vệ cuối cùng. Một lúc sau, một trong những đồn lớn nhất ở vịnh đã nổ tung (đồn An Hải) bởi loạt đạn bắn ra từ các pháo thuyền⁹. Đồn An Hải nhanh chóng rơi vào tay giặc. Pháo đài Phòng Hải và Trấn dương tứ bảo trên núi Sơn Trà cũng lần lượt bị đánh chiếm. Quân Pháp chớp lấy thời cơ, nhanh chóng đổ bộ chiếm giữ bán đảo Sơn Trà và thành An Hải: “Sau khi tôi đích thân đi thị sát cùng đội hộ tống Tây Ban Nha, ngay chiều hôm đó, tôi đã xác định vị trí đóng quân cho tất cả các đơn vị Pháp dưới quyền chỉ huy của Đại tá Raybaud và đại đội Tây Ban Nha do đại tá Oscaritz chỉ huy. Đây là khu đất bằng phẳng trên bán đảo gần kề pháo đài phía Đông (tức thành An Hải)¹⁰. Điều đáng chú ý là, việc đánh chiếm Đà Nẵng được Rigault rút kinh nghiệm từ các trận đánh ở Trung Quốc trước đó không lâu: “Chiến thuật tấn



Các quan Việt Nam tại chiến trường Đà Nẵng, đốc thúc voi chiến và binh lính xông lên chống liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Tranh ký họa

công đã được Đô đốc xác định bằng khả năng quán sự tài tình cũng như khả năng phán đoán của mình, đã được kiểm định tại Trung Hoa và Crimée, mà quân đội và hải quân sẽ không bao giờ quên. Mỗi chiến thuyền đều biết chính xác điểm mà nó phải nổ súng, để cho thuyền con và quân lính đổ bộ lên⁽¹¹⁾.

Sáng hôm sau (tức 2-9-1858) 5 pháo hạm Alarme, Avalanche, Fusée, Daragonne, Mitraille cùng chiến hạm El Cano của Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Reybaud đã triển khai đồng bộ tấn công thành Điện Hải, làm sập một góc thành này và nổ tung kho thuốc súng ở đây. Ngay lập tức, Thiếu tá Jaure Guiberry xua quân tiến sâu vào cửa sông Hàn, đồng thời đưa chiến thuyền đậu sát thành Điện Hải. Toàn bộ hệ thống phòng ngự của nhà Nguyễn tại tả ngạn sông Hàn

cũng chịu chung số phận với thành An Hải trước đó. Một sĩ quan Pháp, ghi lại sự kiện này như sau: "Ngày hôm sau các tàu chiến tiến vào trong đêm đã phá hủy đồn còn lại ở trong vịnh. Các thuyền nhỏ của ta đã nhanh chóng tiến vào sông. Bán đảo Sơn Trà hoàn toàn nằm trong tay chúng ta. Quân thù đã bỏ lại trong các đồn lũy một số khẩu đại bác rất đẹp bằng đồng và các vật dụng đáng kể⁽¹²⁾. Và, "Chúng tôi đã thả neo rất gần các thành An Hải, Điện Hải của Nam quân (cách khoảng 150m) nơi mà đạn pháo của kẻ thù chỉ bắn được vào thành tàu của chúng tôi và bay trượt lên các cột buồm. Tàu Saône đã bị trúng một viên đạn ở phía cột buồm mũi và tàu Phlégeton bị trúng đạn ở sống đuôi tàu. Vũ khí được tìm thấy trong thành, nói chung toàn là súng đá lửa St Etienne;

đại bác phần lớn làm bằng đồng rất đáng nể, có đường kính 18-19cm, tôi nghĩ có khoảng 48 khẩu đại bác hoặc hơn, tôi cũng không chắc lắm. Có 20 người An Nam bị giết, 12 người bị thương và 55 người bị bắt làm tù binh, số còn lại đã lẩn trốn lên núi. Về phần mình, chúng tôi chỉ có một kẻ thù rất đáng gờm ở đây, đó là, cái nóng, chỉ có nó từ từ lấy hết sức lực của chúng tôi..."⁽¹³⁾. Như vậy, qua 2 ngày tấn công liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã làm vô hiệu hóa các pháo đài, đồn, bảo kiên cố nhất trong hệ thống phòng thủ Đà Nẵng của nhà Nguyễn, thu giữ 450 khẩu đại bác bằng đồng và bằng sắt: "Đại bác bằng đồng nhiều hơn và nói chung là rất đẹp. Các đại bác của đối phương vừa mới đặt lên giá cao. Trang bị pháo binh của họ rất hoàn chỉnh và tốt hơn nhiều so với những gì tôi thấy ở Trung Hoa. Pháo đài phía Tây (Điện Hải) gồm một xưởng pháo binh lực chiến, những đại bác bằng đồng cỡ bằng 6 và 9, giá súng đặt trên những bánh xe cao, rất phù hợp với đường sá gỗ ghề của xứ này"⁽¹⁴⁾. Rigault cũng chọn 2 khẩu đại bác bằng đồng rất đẹp, để dâng tặng nữ hoàng Tây Ban Nha và vua Pháp.

Điều đáng nói là, ngày khi quân Pháp tấn công Đà Nẵng, thì vua quan triều Nguyễn đã "sức dân" thực hiện chủ trương "vườn không nhà trống", điều này được một sĩ quan Pháp ghi lại như sau: "Ngay ngày đầu tiên, các quan lại An Nam đã lệnh cho nhân dân thực hiện vườn không nhà trống. Làng mạc ở Đà Nẵng hoàn toàn đã được di tản; chúng tôi không thể tìm thấy thực phẩm tươi sống cần thiết cho sức khỏe của binh lính ở đây. Đứng giữa nhiều thử thách này, Đô đốc Rigault cũng đang ngã bệnh"⁽¹⁵⁾. Thêm vào đó, lệnh cách ly người công giáo và bọn Việt gian phản quốc với quân Pháp của Tự Đức, cùng với kế sách "vườn không nhà trống" tuyệt nguồn lương thực của chúng của Nguyễn Tri

Phương thực hiện tại Đà Nẵng đã thực sự đẩy quân Pháp vào thế bị “giam lỏng”. Một viên sĩ quan Pháp đã thừa nhận: “Đất đai chúng tôi chiếm được thì dân đều bỏ đi cả, trừ vài nhà tranh của người đánh cá. Tôi chưa hề thấy một con gà nào”⁽¹⁶⁾. Đó là chưa kể, “Cách đây chừng 4 dặm có một thị trấn (ý chỉ thành phố Đà Nẵng - Tg) trên 20.000 dân, tuy sống trong tình trạng bị đe dọa nhưng lúc nào cũng vui vẻ chờ ngày đánh đuổi chúng ta đi”⁽¹⁷⁾. Tính đến ngày 4-9 (1858), thì Đà Nẵng hầu như không còn bóng người dân nào: “Người An Nam đã bỏ lại ngôi làng duyên dáng Đà Nẵng của mình (theo các nhà địa dư thì thành phố này thật ra chỉ là một ngôi làng mà thôi) nằm trên 2 bờ sông Hàn, rất gần với các đồn lũy. Những ngôi nhà tranh thật xinh xắn, nằm giữa vườn đầy hoa lá, vùng đồng bằng xung quanh toàn ruộng đất đã được canh tác”⁽¹⁸⁾... Tuy có đầy đủ uy lực về tàu to, súng lớn, tạc đạn có sức công phá mạnh, lực lượng quân đội tinh nhuệ và hiểu chiến, song liên quân Pháp – Tây Ban Nha không phải muốn làm gì là làm tại mặt trận Đà Nẵng. Mọi nơi, mọi lúc họ đều bắt gặp sự phản kháng của Nam quân: “Đoàn thuyền của chúng tôi chuyển sang bờ sông đối diện, trên bờ là những khu đất khá rộng, rải rác những lùm cây. Trong khi đang chờ đợi điều gì nhất định sẽ xảy đến, thì đột nhiên xuất hiện hàng ngàn lính đối phương vọt lên tấn công. Chúng tôi liền bắn trả, một số ngã xuống, một số chạy vào bụi rậm ẩn nấp, rút lui tán loạn”⁽¹⁹⁾.

Tình hình chiến trận ở Đà Nẵng mỗi ngày thêm căng thẳng, nhất là sau khi thống chế Lê Đình Lý chết, vua Tự Đức bèn cử Nguyễn Tri Phương vào thay nhằm thống lĩnh ba quân tướng sĩ tại mặt trận Đà Nẵng. Sau khi vào Đà Nẵng, Nguyễn Tri Phương bèn thực hiện kế sách lập phòng tuyến

Liên Tri để phòng thủ, chờ cơ hội tấn công. Phòng tuyến này được đắp từ bãi biển Đà Nẵng đến các xã Phước Ninh, Thạc Gián, bên ngoài lũy đào hồ chữ phẩm cắm chông, che cỏ, phủ cát lên trên, chia quân đặt phục binh sát đến đồn Điện Hải. Vì lẽ đó, nhiều lần “quân Tây dương chia 3 toán đến đánh thì bị sa xuống hố, quan binh giữ lũy của ta từ trong bắn ra buộc chúng phải lui, vua thường chung 100 quan tiền”⁽²⁰⁾.

Nhân đây, tướng cũng nên nói thêm về cách đánh địch bằng “hồ chữ phẩm” của Nguyễn Tri Phương, nó cho thấy tinh thần gan dạ, anh dũng của Nam quân tại mặt trận Đà Nẵng. Để cập đến cách đánh này, một sĩ quan Pháp cho biết: “Sau hàng rào tre và tại trận địa pháo, người An Nam đã đào những hố sâu, trên có phên che nên không thể thấy bên dưới. Mỗi hố dùng cho mỗi người lính ẩn nấp, khi bắn họ dùng đầu đẩy tấm phên che và lộ ra, khi bắn xong họ núp xuống lại. Cách này giúp cho họ tránh thiệt hại song rất nguy hiểm, vì khi đối phương đến chiếm thì họ không có cơ hội thoát. Một lính của tôi sập vào hố này và bị lưới lê của lính An Nam đâm, một lính khác cũng bị bắn chết. Các lính thuộc địa Philippines điên tiết, nên dùng chân dẫm các tấm phên che và dùng lưới lê đâm nhiều nhất vào các hố này. Tôi rất vất vả mới ngăn được cuộc tàn sát này”⁽²¹⁾... Tại các đồn tạm vừa mới dựng lên cũng như các đồn đã có từ trước, việc xây dựng các hố cá nhân nói trên được triển khai đồng bộ. Một tài liệu cho biết: “Pháo đài (có thể là đồn Tuyên Hóa?) xây cất theo kiểu nhà bản xứ, mà các cửa sổ được thay thế bằng các cửa lớn. Pháo đài này có 6 khẩu đại bác trong đó có 2 khẩu bắn đạn đá; người chỉ huy được bố trí ở vào khoảng giữa sau pháo đài, xung quanh có 500 hố cá nhân, có thể đó là nơi ở của quân dự bị”...⁽²²⁾.

Nguyễn Tri Phương chủ trương “đào hào, đắp lũy” nhằm “tiến bức” quân giặc. Chúng ta có thể hiểu được kế sách của Nguyễn Tri Phương qua lời tâu của ông cùng vua Tự Đức là: “Kẻ kia (tức Pháp - Tây Ban Nha) lợi về chiến, ta lợi về thủ, xin lấy thủ làm chiến, xây dựng thêm đồn lũy để dần dần tiến bức địch”⁽²³⁾. Chính chủ trương này sẽ lý giải được vì sao số lượng đồn, bảo, lũy xuất hiện ngày càng dày đặc thêm dưới thời Nguyễn Tri Phương, đã góp phần cầm chân quân Pháp tại Đà Nẵng. Quân Pháp đã mô tả trình độ xây dựng công sự và cách lập công sự của quân đội Việt Nam như sau: “Cánh đồng mọc lên nhiều công sự các loại, những người Việt đã đạt được những tiến bộ trong nghệ thuật chiến tranh. Hôm nay chúng tôi chiếm đóng mảnh đất mà chúng ta đã chinh phục trong trận cuối ngày, nhưng chúng ta chỉ đuổi quân địch được vài trăm thước, vì họ đã lui về ẩn mình trong một phòng tuyến mới (Liên Tri - Tg) trước mặt chúng tôi và họ đã củng cố một cách mau chóng kinh khủng”⁽²⁴⁾. Sự tuyệt vọng của quân xâm lược còn thể hiện rõ hơn: “Để làm gì, khi gây thiệt hại cho họ vài tấc đất hôm nay thì họ sẽ chiếm lại ngày mai... Từ ngày chiếm Đà Nẵng, chúng ta luôn luôn giữ thế thủ trên một bán đảo (Sơn Trà - Tg)... Nếu tiếp tục thế này thì cuộc chiến sẽ kéo dài hàng trăm năm”⁽²⁵⁾.

Các đồn lũy, tuyến phòng thủ của Nam quân dựng lên khắp nơi, đã gây rất nhiều khó khăn cho liên quân Pháp – Tây Ban Nha: “Các tuyến phòng thủ này, như tôi đã nói ở trên, đã mở rộng ra khoảng 12.000m, chưa kể các đồn lũy nằm rải rác xung quanh. Tất cả các thành lũy này, được đặt rất khéo léo và được bảo vệ bằng một đội quân hùng hậu. Rất khó để có thể biết được vô số chương ngại vật nằm xung quanh các

thành lũy này. Đó là các ụ đất, trên cắm nhiều cây tre, thỉnh thoảng được bảo vệ bằng những hầm chông hay những tấm chông đan xen nhau theo một hình thể không thể tin được". "Những chiến hào này được đặt ở các hướng khác nhau và rất gần nhau, bên trong trang bị đại bác, đá và súng lớn; ngoài ra, mỗi một người lính Nam quân đều mang một khẩu súng có lưỡi lê được chế tạo theo kiểu của Pháp. Để vượt qua các chướng ngại vật và sự bảo vệ này, chúng ta buộc phải chiến đấu"⁽²⁶⁾. Cái cách mà Nam quân xây dựng lũy tuyến đã làm quân Pháp kinh ngạc: "Chỉ một đêm, đủ cho binh lính An Nam tái dựng lại các thành trì, mà đã bị chúng tôi san bằng hôm trước, hoặc để đào một chiến hào mới dài nhiều km"⁽²⁷⁾.

Không chỉ quan, quân đánh giặc, mà ngay những các dân binh, người đánh cá của Đà Nẵng cũng tìm cách đánh giặc. Đoạn kể sau cho thấy những ngư dân giả vờ thân thiện với quân Pháp và bắt sống chúng để thị uy: "Chúng tôi đang ngủ trong một chiếc lều gần Đà Nẵng, nơi mà người ta tiếp đón niềm nở chúng tôi. Trong đêm, bất thình lình, nhiều tiếng la hét làm tôi thức giấc. Căn lều bị bao vây bởi hơn 200 người An Nam. Hai chúng tôi chỉ có một cây kiếm, bạn tôi cầm ngay cây kiếm, tôi cầm vỏ kiếm. Sau một lúc chống cự một cách vô vọng, bạn tôi bị thương, họ xông đến dùng ngay lưỡi kiếm đó chặt đầu cho đến khi đầu lìa khỏi thân. Còn tôi tìm cách chạy trốn, song không kịp, tôi bị một cây gậy tre đánh vào đầu nên bất tỉnh. Khi tỉnh lại họ nhốt tôi vào một cái cũi tre, họ lấy xích sắt cột vào cổ rồi xích vào chân. Suốt 3 ngày họ khiêng đi biểu diễn từ làng này qua làng khác. Họ cầm đầu lâu của bạn tôi vào một cây sào và đưa trước mặt tôi, hằng ngày họ chỉ cho ăn một ít cơm"⁽²⁸⁾. Tinh thần chiến đấu của quân

dân ta tại Đà Nẵng rất ngoan cường, mặt dù họ thua xa quân thù về trình độ vũ khí. Trận đánh đồn Mỹ Thị cũng cho thấy sự chiến đấu ngoan cường của Nam quân: "Ai có thể kháng cự lại được sự hung hăng của người Pháp! Vào lúc 8h, người An Nam đã hoàn toàn phải rời bỏ nhà cửa, rất nhiều người đã bị chìm trong khói bụi và số còn lại ở trong tình trạng rất hốt hoảng. Chúng tôi có đến 40 người lính phải rời cuộc chiến, trong đó có 7 người tử trận"⁽²⁹⁾. Và "Chúng tôi đã giết rất nhiều người trong ngày đáng nhớ này, nhưng chúng tôi cũng không gặp may mắn lắm, khi có 60 người đã phải rời bỏ cuộc chiến và khoảng 40 người Tây Ban Nha trong đó có một chỉ huy, ông Mahorat bị trúng đạn"⁽³⁰⁾.

Như kế hoạch ban đầu của nước Pháp, nhiệm vụ của quân viễn chinh là san phẳng Đà Nẵng, tiến quân ra Huế, lật đổ ngai vàng nhà Nguyễn, song trong tình thế hiện thời, liên quân Pháp – Tây Ban Nha phải tập trung xây dựng hệ thống phòng thủ, ngày đêm canh cánh lo sợ những trận tập kích của quân đội An Nam; trong khi đó các loại bệnh nhiệt đới không ngớt hành hoành, một sĩ quan Pháp đã viết: "Người An Nam không tấn công chúng ta nhưng đã bao vây chúng ta bằng những công sự tác chiến, ngăn chặn mọi liên lạc với nội địa. Có vài lần người ta đã thử đẩy lùi họ nhưng nào có ích gì đâu, nếu hôm nay lấy của họ ít đất thì ngày mai họ lại chiếm trở lại"⁽³¹⁾. Trong tình thế tuyệt vọng đó, kẻ địch đã phải thừa nhận: "Tôi rất muốn báo cho Ngài biết ngày nào sẽ đến lượt Huế, nhưng tôi tin chắc rằng, mặc dù các hải quân và binh lính của chúng ta rất nóng lòng, nhưng nhiệm vụ này phải hoãn lại một thời gian, thậm chí, có thể để dành lại cho người kế nhiệm của chúng ta. Thật sự là, thủ đô này được bảo vệ bởi địa

lý thiên nhiên và bởi các thành vững chắc, ít nhất được 40.000 quân bảo vệ thường xuyên"⁽³²⁾. Với tư cách là người chỉ huy tối cao, chính Rigault de Genouilly đã phải thừa nhận: "Chính phủ đã nhầm lẫn về tính cách cuộc can thiệp ở Việt Nam. Người ta đã trình bày việc này như một việc tầm thường nhưng không đúng như thế. Người ta đã cho chính phủ hay là xứ này có nhiều tài nguyên mà thực sự không có gì. Dân chúng có những xu hướng trái ngược với những gì chúng ta đã tiên đoán; quyền lực các quan yếu kém thì quyền binh ấy vẫn vững mạnh. Người ta nói rằng xứ này không có binh lính, quân đội thì thật ra quân đội chính qui ở đây rất đông và dân quân gồm toàn những người lành mạnh trong dân chúng"⁽³³⁾.

Tóm lại, thông qua những ghi chép của các sĩ quan, binh lính người Pháp tham chiến tại Đà Nẵng vào năm 1858 – 1860, cho ta thấy tinh thần bất hợp tác với giặc của nhân dân Đà Nẵng, tinh thần đánh giặc bằng tất cả các loại vũ khí thô sơ mà họ có được; nhất là sự kiên cường, gan dạ của binh lính triều đình dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương trong việc xây hào, đắp lũy, lập hố "chữ phẩm" để đánh cận chiến với quân thù, cũng như những trận tấn công bất ngờ làm cho quân Pháp vô cùng khó khăn, lúng túng. Các ghi chép được trích dẫn trên, cho ta thấy rõ và rất sinh động những kế sách của vua Tự Đức và cá nhân Nguyễn Tri Phương sử dụng tại mặt trận Đà Nẵng, đó là "xây hào, đắp lũy", "dẫn dẫn tiến bực" địch. Tiếc thay, tinh thần bất cộng tác với giặc và tuân thủ tốt chủ trương "vườn không nhà trống" của nhân dân Đà Nẵng; sự xả thân vì nước, dám đương đầu với súng to, tàu lớn, sự hiếu chiến của liên quân Pháp – Tây Ban Nha của quân đội triều đình thì có thừa, song sự lạc hậu về vũ khí, sự yếu kém

của một quân đội thiếu chính quy của triều đình Tự Đức, đã không có một trận “quyết chiến chiến lược” nào tại Đà Nẵng như mong muốn của người dân và triều đình Huế lúc bấy giờ. Đây cũng là một bài học lớn đối với chúng ta, rằng: đối với Việt Nam, kẻ thù đến từ phía biển thường rất mạnh và nếu không chú tâm xây dựng một lực lượng quân đội hiện đại (kể cả con người và vũ khí) thì khi có chiến tranh xảy ra, rất khó để có những trận quyết chiến quyết định nhằm chặn đứng hay đẩy lùi quân xâm lược ngay từ đầu. Bài học này, luôn hiện hữu đối với chúng ta. ■

CHÚ THÍCH:

1. Các tàu đó là: Némésis, Phlégeon, Primauguet, Fusée, La Place, Avalanche, Régent, Dragonne, Alarme, Mitraille, Saône, Gironde, Meurthe và tàu El Cano.

2. Tư liệu lịch sử do A. Benoist d'Azy nghiên cứu, về *Cuộc chinh phục Nam kỳ của Pháp*. Hs số: AB XIX 3970, Lưu trữ Quốc gia Pháp - Pierrefitte sur Seine.

3. Báo cáo của viên sĩ quan chỉ huy tàu Némésis, tại vịnh Đà Nẵng, ngày 15-7-1858. Tài liệu mang ký hiệu AB XIX 3970. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp.

4. Nguyễn Văn Kiệm, “Chính sách đối với Thiên Chúa giáo dưới thời Tự Đức” (1848 - 1883). Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 2(309) số III - IV, 2000, tr.39.

5. Tư liệu lịch sử do A. Benoist d'Azy nghiên cứu, về *Cuộc chinh phục Nam kỳ của Pháp*. Hs số: AB XIX 3970, Lưu trữ Quốc gia Pháp - Pierrefitte sur Seine

6. Báo cáo của viên sĩ quan chỉ huy tàu Némésis, tại vịnh Đà Nẵng, ngày 3-9-1858. Tài liệu mang ký hiệu AB XIX 3970. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp.

7. Hồi ký Đại tá Henri De Ponchalon, *Đông Dương - Những chuyến đi và các trận chiến (1858 - 1860)*. Nxb. Alfred Mame và Fils, năm 1896 (M DCCC XCVI).

8. Báo cáo của viên sĩ quan chỉ huy tàu Némésis, tại vịnh Đà Nẵng, ngày 3-9-1858. Tài liệu mang ký hiệu AB XIX 3970. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp.

9. Tư liệu lịch sử do A. Benoist d'Azy nghiên cứu, về *Cuộc chinh phục Nam kỳ của Pháp*. Hs số: AB XIX 3970, Lưu trữ Quốc gia Pháp - Pierrefitte sur Seine

10. Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb TP. HCM, 1999, tr.367.

11. Tư liệu lịch sử do A. Benoist d'Azy nghiên cứu, về *Cuộc chinh phục Nam kỳ của Pháp*. Hs số: AB XIX 3970, Lưu trữ Quốc gia Pháp - Pierrefitte sur Seine.

12. Tư liệu lịch sử do A. Benoist d'Azy nghiên cứu, về *Cuộc chinh phục Nam kỳ của Pháp*. Hs số: AB XIX 3970, Lưu trữ Quốc gia Pháp - Pierrefitte sur Seine.

13. Báo cáo của viên sĩ quan chỉ huy tàu Némésis, tại vịnh Đà Nẵng, ngày 3-9-1858. Tài liệu mang ký hiệu AB XIX 3970. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp.

14. Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb. TP. HCM, 1999, tr.367-368

15. Tư liệu lịch sử do A. Benoist d'Azy nghiên cứu, về *Cuộc chinh phục Nam kỳ của Pháp*. Hs số: AB XIX 3970, Lưu trữ Quốc gia Pháp - Pierrefitte sur Seine.

16. AndréBandrit, “Correspondance de Savin de Larelause”, B.S.E.I, tập XIV 3 và 4, Sài Gòn 1939, tr.53.

17. AndréBandrit, “Correspondance de Savin de Larelause”, B.S.E.I, tập XIV 3 và 4, Sài Gòn 1939, tr.53.

18. Hồi ký Đại tá Henri De Ponchalon, *Đông Dương - Những chuyến đi và các trận chiến (1858-1860)*, Nxb. Alfred Mame và Fils, 1896 (M DCCC XCVI).

19. Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb. TP. HCM, 1999, tr.318.

20. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 28, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1973, tr.474.

21. Hồi ký Đại tá Henri De Ponchalon, *Đông Dương - Những chuyến đi và các trận chiến (1858*

- 1860). Nxb. Alfred Mame và Fils, 1896 (M DCCC XCVI).

22. Hồi ký Đại tá Henri De Ponchalon, *Đông Dương - Những chuyến đi và các trận chiến (1858 - 1860)*, Nxb. Alfred Mame và Fils, 1896 (M DCCC XCVI).

23. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, q.23, tr.15.

24. AndréBandrit, “Correspondance de Savin de Larelause”, B.S.E.I, tập XIV 3 và 4, Sài Gòn, 1939.

25. Lê Trọng Sâm, *Vài suy nghĩ về chiến thuật của Nguyễn Tri Phương, qua một số trận chống thực dân Pháp xâm lược*. Kỷ yếu hội thảo về Nguyễn Tri Phương, Ban KH&KT tỉnh Thừa Thiên - Huế, 1990, tr.30.

26. Báo cáo của Phó Đô đốc Charner, Chỉ huy lực lượng viễn chinh ở Nam kỳ, ngày 27-2-1861, gửi Bộ trưởng Bộ Hải quân và Bộ Thuộc địa.

27. Báo cáo của Phó Đô đốc Charner, Chỉ huy lực lượng viễn chinh ở Nam kỳ, ngày 27-2-1861, gửi Bộ trưởng Bộ Hải quân và Bộ Thuộc địa.

28. Hồi ký Đại tá Henri De Ponchalon, *Đông Dương - Những chuyến đi và các trận chiến (1858 - 1860)*. Nxb. Alfred Mame và Fils, 1896 (M DCCC XCVI).

29. Báo cáo của viên sĩ quan chỉ huy tàu Némésis, tại vịnh Đà Nẵng, ngày 18-9-1859. Tài liệu mang ký hiệu AB XIX 3970. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp.

30. Báo cáo của viên sĩ quan chỉ huy tàu Némésis, tại vịnh Đà Nẵng, ngày 10-5-1859. Tài liệu mang ký hiệu AB XIX 3970. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp.

31. AndréBandrit, “Correspondance de Savin de Larelause”, B.S.E.I, Tập XIV 3 và 4, Sài Gòn, 1939, tr.82.

32. Báo cáo của Phó Đô đốc Charner, Chỉ huy lực lượng viễn chinh ở Nam kỳ, ngày 27-2-1861, gửi Bộ trưởng Bộ Hải quân và Bộ Thuộc địa.

33. Đào Đăng Vỹ, *Nguyễn Tri Phương*, Sài Gòn, 1974, tr.89.